

Bản án số: 368/2024/HS-PT
Ngày: 23/4/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Hải;

Các Thẩm phán: Ông Thái Duy Nhiệm;

Bà Vũ Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nhật Phong - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Khúc Thị Hoàng Hạnh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 23 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 246/2024/TLPT-HS ngày 26 tháng 02 năm 2024 đối với các bị cáo Đoàn Văn H1 và Trần Quang H2 phạm tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép”. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2024/HS-ST ngày 10/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Đoàn Văn H1, giới tính: Nam; sinh ngày: 16/10/1982, tại xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Tổ C, khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Tiến S và bà Ngô Thị H3; có vợ Hà Thị M và 01 con sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/6/2023 đến nay tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; hiện bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Quang H2, giới tính: Nam; sinh ngày: 13/9/1989, tại xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn A Y, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Quang H4, con bà Trần Thị L (Đã chết); có vợ Lê Thị H5 và 02 con (lớn sinh năm 2019, nhỏ sinh năm 2020); tiền án, tiền sự: Không.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt tạm giam từ ngày 28/4/2023 đến ngày 14/9/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh tại xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; hiện bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Đỗ Văn L1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không kháng cáo, không liên quan đến nội dung kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 13 giờ 35 phút ngày 18/4/2023, tại K, đường Q thuộc địa phận xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, tổ công tác Phòng C Công an tỉnh H tiến hành kiểm tra nồng độ cồn đối với Phạm Văn T (sinh năm 1990, trú tại xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa) đang điều khiển xe ô tô Ford Everest, biển kiểm soát: 99A-033.55. Quá trình kiểm tra phát hiện trên xe có Đỗ Văn L1 (sinh năm 1987, trú tại xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa) và 06 công dân Trung Quốc không có giấy tờ nhập cảnh hợp pháp. Đỗ Văn L1 khai nhận: L1 được Trần Quang H2 thuê chở 06 công dân Trung Quốc nhập cảnh trái phép từ thành phố Hà Nội vào thành phố Đà Nẵng để nhận tiền công 18.000.000 đồng. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản sự việc, chuyển toàn bộ hồ sơ, tài liệu liên quan đến Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh H để tiến hành điều tra theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra, xác định: Vào khoảng 22 giờ ngày 17/4/2023, Đoàn Văn H1 nhận được điện thoại của một người đàn ông tên Lâm Thanh T1 (không rõ địa chỉ) trao đổi có 06 công dân Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam, muốn thuê H1 đón, chở từ khu vực cây xăng N thuộc xã N, huyện G, thành phố Hà Nội đến khu vực Cổng xanh Khu công nghiệp T, tỉnh Bình Dương với chi phí 40.000.000 đồng, H1 đồng ý. Do đường xa nên Đoàn Văn H1 đã điện thoại cho Trần Quang H2 trao đổi, đặt vấn đề thuê H2 chở 06 công dân Trung Quốc nhập cảnh trái phép từ khu vực cây xăng N, thuộc xã N, huyện G, thành phố Hà Nội đi vào thành phố Đà Nẵng, sau đó Đoàn Văn H1 sẽ đi từ tỉnh Bình Dương ra thành phố Đà Nẵng đón 06 công dân Trung Quốc này chở vào tỉnh Bình Dương. Đoàn Văn H1 sẽ trả công cho Trần Quang H2 số tiền 20.000.000 đồng, H2 đồng ý. Do bị mệt không đi được nên Trần Quang H2 đã gọi điện thuê Đỗ Văn L1 đón, chở 06 công dân Trung Quốc trên với tiền công 18.000.000 đồng, khi vào đến thành phố Đà Nẵng sẽ nhận tiền, L1 đồng ý. Sau đó, Đỗ Văn L1 gọi điện rủ Phạm Văn T đi chở khách cùng mình và hứa sẽ trả công 2.000.000 đồng tiền công (L1 không nói cho T biết những người khách này là công dân Trung Quốc nhập cảnh trái phép), T đồng ý. Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 17/4/2023, Đỗ Văn L1 điều khiển xe ô tô Ford Everest, biển kiểm soát: 99A-033.55 (L1 mượn của anh Trần Danh K, sinh năm 1986, trú tại xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa) chở Phạm Văn T đi từ nhà đến khu vực cây xăng N, xã N, huyện G, thành phố Hà Nội. Đỗ Văn L1 liên lạc đến số điện thoại 0941859274 do Trần Quang H2 cung cấp, một người đàn ông nghe máy, hỏi L1 đặc điểm, biển kiểm soát xe ô tô của L1

và bảo L1 ngồi chờ. Đến khoảng 05 giờ 30 phút ngày 18/4/2023, có một người đàn ông (không rõ tên, địa chỉ) chở 06 công dân Trung Quốc đến giao cho L1. Sau đó, Đỗ Văn L1 và Phạm Văn T chở 06 công dân Trung Quốc đi vào thành phố Đà Nẵng. Trên đường đi, Trần Quang H2 gọi điện cho Đỗ Văn L1 nhắc nhở L1 phải đi cẩn thận, không dừng ăn uống dọc đường nhằm tránh bị cơ quan chức năng phát hiện. Khi Đỗ Văn L1 điều khiển xe ô tô đến khu vực đường T thì Phạm Văn T chuyển sang lái xe. Đến sáng ngày 18/4/2023, theo yêu cầu của Đoàn Văn H1, Đỗ Văn L1 quay video hình ảnh của 06 công dân Trung Quốc gửi cho Trần Quang H2, H2 chuyển tiếp video trên cho Đoàn Văn H1 và H1 gửi video cho người đàn ông tên Lâm Thanh T1. Sau đó, Lâm Thanh T1 chuyển số tiền 20.000.000 đồng cho Trần Quang H2 theo đề nghị của Đoàn Văn H1. Trần Quang H2 đã chuyển số tiền 20.000.000 đồng cho chị Lê Thị H5 (vợ của H2 - sinh năm 1992, trú tại xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa). Đến 13 giờ 35 phút ngày 18/4/2023, khi xe ô tô biển kiểm soát: 99A-033.55 do Phạm Văn T điều khiển chở Đỗ Văn L1 và 06 công dân Trung Quốc đi đến địa phận xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh thì bị tổ công tác Phòng C Công an tỉnh H phát hiện, lập biên bản sự việc.

Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh H đã tiến hành trưng cầu người phiên dịch, lấy lời khai và xác minh lý lịch, nhân thân của 06 công dân Trung Quốc, kết quả xác định: Tang Wen B (sinh năm 2002, trú tại số B đường Q, H, M, huyện M, C dân tộc Choang, dân tộc Miêu Văn S1, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc), H6 (sinh năm 2003, trú tại huyện T, C, G, Trung Quốc), Tao Jian G (sinh năm 2002, trú tại H, M, Bác T, Mã Q, Châu Tự T2 dân tộc Choang, dân tộc Miêu Văn S1, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc), Wang P (sinh năm 1989, trú tại Đ, Đôn Đ, H, N, tỉnh Giang Tô, Trung Quốc), Xie F (sinh năm 2000, trú tại số C, T, L, T, T, C, tỉnh Giang Tây, Trung Quốc), Bao Bin B1 (sinh năm 1989, trú tại V, Đ, Lạc T3, C, Trung Quốc) đã được một số đối tượng (không xác định được nhân thân, lai lịch cụ thể) tổ chức nhập cảnh trái phép bằng đường mòn lồi mở từ Trung Quốc sang Việt Nam với mục đích để đi từ Việt Nam sang Thái Lan tìm việc làm.

Ngày 31/5/2023, Công an tỉnh H đã phối hợp với các đơn vị chức năng tiến hành trao trả 06 công dân Trung Quốc cho nước Cộng hòa nhân dân T5 tại Cửa khẩu Quốc tế H7, thuộc thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn theo quy định.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2024/HSST ngày 10 tháng 01 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Đoàn Văn H1, Trần Quang H2 phạm tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép”.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đoàn Văn H1 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Quang H2 36

(ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giam từ ngày 28/4/2023 đến ngày 14/9/2023.

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 2, 3 Điều 35, khoản 4 Điều 348 Bộ luật Hình sự, xử phạt bổ sung bị cáo Đoàn Văn H1 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng); bị cáo Trần Quang H2 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Vũ Văn L2; biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/01/2024 bị cáo Đoàn Văn H1 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin giảm tiền phạt bổ sung; Ngày 24/01/2024 bị cáo Trần Quang H2 kháng cáo với nội dung xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo Đoàn Văn H1 thay đổi nội dung kháng cáo, bị cáo xin được hưởng án treo và xin được miễn hình phạt bổ sung; Bị cáo Trần Quang H2 giữ nguyên nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo. Các bị cáo đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm quy kết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Đoàn Văn H1, Trần Quang H2 về tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 348 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo, đồng thời áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo H2; xử phạt bị cáo Đoàn Văn H1 05 năm tù, bị cáo Trần Quang H2 36 tháng tù và áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Đoàn Văn H1 xin được hưởng án treo và xuất trình Biên lai nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm. Xét thấy, đây không phải là tình tiết giảm nhẹ đặc biệt mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo. Trong vụ án này, bị cáo là người trực tiếp tiếp nhận thông tin từ đối tượng Lâm Thanh T1 để chở 06 công dân Trung Quốc nhập cảnh trái phép từ G, Hà Nội vào Bình Dương, sau đó thuê Trần Quang H2 chở 06 công dân Trung Quốc này từ G vào Đà Nẵng và trả 20.000.000 đồng tiền công, nên bị cáo là người giữ vai trò chính, bị cáo H2 phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức cho bị cáo H1. Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo H1 05 (năm) năm tù mức khởi điểm của khung hình phạt là phù hợp; đồng thời áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là có căn cứ. Do đó, không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo xin hưởng án treo và xin miễn tiền phạt bổ sung của bị cáo.

Đối với bị cáo Trần Quang H2: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xuất trình biên lai nộp tiền phạt bổ sung 10.000.000 đồng và tiền án phí sơ thẩm 200.000 đồng; đơn trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, có 02 con còn nhỏ, quá trình sinh sống tại địa phương bị cáo luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật của Nhà nước và tham gia nhiều đóng góp cho địa phương, chuyên

chở miễn phí người bị nhiễm bệnh đến các khu cách ly tập trung của huyện. Đây là các tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên cần áp dụng cho bị cáo. Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng, có nhân thân tốt, hoàn cảnh gia đình khó khăn, con còn nhỏ, có nơi cư trú rõ ràng, nên có thể áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ để giáo dục, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung, đồng thời thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật.

Căn cứ Điều 355, 356, 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đoàn Văn H1, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm đối với bị cáo H1; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Quang H2, xử phạt bị cáo H2 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo.

Đối với nội dung kháng cáo của bị cáo H2 cho rằng quá trình điều tra bị cáo tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong việc khai ra hành vi phạm tội của bị cáo H1, giúp cơ quan điều tra nhanh chóng kết thúc vụ án nên đề nghị được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét thấy, trong vụ án này quá trình phát hiện tội phạm xuất phát từ việc bắt giữ bị cáo L2, do vậy việc bị cáo khai ra bị cáo H1 cũng chỉ thể hiện thái độ thành khẩn của bị cáo và việc tích cực hợp tác với cơ quan điều tra cũng chỉ ở mức độ nên không đủ căn cứ để áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng: Các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh và điều luật áp dụng:

Căn cứ lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phiên tòa sơ thẩm; phù hợp với Biên bản sự việc do Đội Cảnh sát giao thông Quốc lộ A thuộc Phòng C Công an tỉnh H lập ngày 18/4/2023; phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án cùng các vật chứng bị thu giữ; có đủ cơ sở kết luận:

Vào ngày 17/4/2023, người đàn ông tên Lâm Thanh T1 thuê Đoàn Văn H1 đón, chở 06 công dân Trung Quốc đã nhập cảnh trái phép vào Việt Nam đi từ thành phố Hà Nội đến tỉnh Bình Dương với số tiền công là 40.000.000 đồng để T1 đưa 06 người này sang nước Thái Lan làm việc. Sau đó, do quãng đường xa nên Đoàn Văn

H1 thuê Trần Quang H2 chở 06 công dân Trung Quốc nêu trên đi từ thành phố Hà Nội đến thành phố Đà Nẵng và trả 20.000.000 đồng tiền công; Đoàn Văn H1 sẽ đón 06 công dân Trung Quốc này tại Đà Nẵng và chở vào tỉnh Bình Dương để bàn giao cho Lâm Thanh T1. Do bị mệt nên Trần Quang H2 đã thuê Đỗ Văn L1 chở 06 công dân Trung Quốc từ thành phố Hà Nội đến thành phố Đà Nẵng với số tiền công là 18.000.000 đồng. Đến 13 giờ 50 phút ngày 18/4/2023, khi Đỗ Văn L1 chở 06 công dân Trung Quốc gồm Tang Wen B, Hua Z, Tao Jian G, Wang P, Xie F và Bao Bin B1 đi đến địa phận xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh thì bị lực lượng chức năng phát hiện, bắt giữ.

Do có hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Đoàn Văn H1 và Trần Quang H2 về tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 348 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Xét kháng cáo của các bị cáo Đoàn Văn H1 và Trần Quang H2, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh, cư trú tại Việt Nam khi chưa được phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Trong vụ án này, các bị cáo phạm tội có tính chất giản đơn, không có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ cụ thể đối với từng người, các đối tượng người Trung Quốc đã được nhập cảnh trái phép vào địa phận huyện G, thành phố Hà Nội; các bị cáo chỉ là người được thuê chở 06 công dân Trung Quốc và nhận tiền công. Khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá vị trí, vai trò và tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo: Bị cáo Đoàn Văn H1 là người trực tiếp tiếp nhận thông tin, trao đổi thỏa thuận mức thù lao từ đối tượng Lâm Thanh T1, sau đó thuê Trần Quang H2 đón và chở 06 công dân Trung Quốc đã nhập cảnh trái phép từ thành phố Hà Nội đến Đà Nẵng, nên bị cáo Đoàn Văn H1 giữ vai trò chính; tiếp đến là Trần Quang H2 tiếp nhận thông tin từ H1, nhận lời chở 06 người Trung Quốc từ Đoàn Văn H1 và nhận tiền công 20.000.000 đồng từ Lâm Thanh T1 nên H2 chỉ là người giúp sức cho bị cáo H1; Bị cáo Đỗ Văn L1 được Trần Quang H2 thuê chở 06 người Trung Quốc từ Hà Nội vào Đà Nẵng và trả 18.000.000 đồng tiền công, L1 chưa được hưởng lợi gì nên giữ vai trò thứ yếu.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo Đoàn Văn H1 và Trần Quang H2 đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo Đoàn Văn H1 có bố là ông Đoàn Tiến S là người có công với cách mạng, được tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang; bị cáo Trần Quang H2 đã tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính 20.000.000 đồng và có ông nội Trần Quang T4 là người có công với cách mạng, được tặng thưởng Bằng khen trong kháng chiến chống Pháp, nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với

các bị cáo và xem xét đánh giá vai trò của bị cáo H2 chỉ là người giúp sức cho bị cáo H1 nên đã áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo H2 là có căn cứ và xử phạt Đoàn Văn H1 05 năm tù, Trần Quang H2 36 tháng tù là phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo; đồng thời áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là đúng quy định pháp luật.

Tại phiên phúc thẩm bị cáo Đoàn Văn H1 thay đổi nội dung kháng cáo, bị cáo xin được hưởng án treo và xin miễn tiền phạt bổ sung với lý do gia đình bị cáo rất khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, hàng tháng bị cáo phải trả góp ngân hàng 40.000.000 đồng cả tiền gốc và tiền lãi trên tổng số tiền vay hơn 02 tỷ đồng, bố mẹ bị cáo hiện không còn khả năng lao động phụ thuộc vào bị cáo, vợ bị cáo không có việc làm ổn định, con còn nhỏ, nếu bị cáo phải đi chấp hành hình phạt tù thì không có ai trả thay cho bị cáo số tiền này được; đồng thời xuất trình Biên lai nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc, đánh giá vai trò của bị cáo, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ và xử phạt bị cáo 05 (năm) năm tù là phù hợp. Tại phiên tòa, bị cáo không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ đặc biệt gì mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo. Đối với nội dung kháng cáo xin được miễn số tiền phạt bổ sung, xét thấy: Bị cáo có hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, là lao động chính trong gia đình, hiện nay bị cáo đang vay Ngân hàng hơn 02 tỷ đồng, hàng tháng phải trả góp 40.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo này của bị cáo, miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Đối với bị cáo Trần Quang H2: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo xuất trình Đơn trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, con còn nhỏ, mẹ bị cáo đã mất, bố bị cáo già yếu không còn khả năng lao động, gia đình có công với cách mạng và đang thờ cúng liệt sỹ Lê Văn S2 là ông cố sinh ra bà nội của bị cáo, bị cáo có nhiều đóng góp cho địa phương như chuyển chở miễn phí người bị nhiễm bệnh đến các khu cách ly tập trung của huyện. Đơn có xác nhận của UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Ngoài ra, bị cáo còn xuất trình Biên lai nộp 10.000.000 đồng tiền phạt bổ sung và 200.000 đồng án phí sơ thẩm thể hiện sự tự nguyện chấp hành một phần quyết định của bản án sơ thẩm, sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là các tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên cần áp dụng cho bị cáo. Trong vụ án này, các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ cụ thể, 06 công dân Trung Quốc đã được nhập cảnh trái phép vào địa phận huyện G, thành phố Hà Nội, bị cáo chỉ là người tiếp nhận thông tin từ bị cáo H1 để nhận chở thuê 06 công dân Trung Quốc từ huyện G, thành phố Hà Nội vào Đà Nẵng và nhận tiền công 20.000.000 đồng, do đó bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức cho bị cáo H1. Xét thấy, bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức, hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình; do đó có thể áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự, cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ để giáo dục, răn đe đối với bị cáo, đồng thời thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật, tạo điều kiện cho bị cáo

có cơ hội được chăm sóc các con nhỏ (con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh năm 2020) như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa.

Đối với ý kiến của bị cáo cho rằng quá trình điều tra bị cáo tích cực hợp tác với cơ quan điều tra khai ra hành vi phạm tội của bị cáo H1, giúp cơ quan điều tra nhanh chóng điều tra, kết thúc vụ án và đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[4]. Về án phí: Do kháng cáo của các bị cáo Đoàn Văn H1, Trần Quang H2 được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5]. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 355, 356, 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Đoàn Văn H1 về phần hình phạt bổ sung và chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Quang H2. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2024/HSST ngày 10/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Tuyên bố: Bị cáo Đoàn Văn H1 và Trần Quang H2 phạm tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép”.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Đoàn Văn H1 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38; Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Quang H2 36 (ba mươi sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Trần Quang H2 cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

2. Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Đoàn Văn H1.

Phạt bổ sung bị cáo Trần Quang H2 10.000.000 (mười triệu) đồng.

3. Về án phí: Bị cáo Đoàn Văn H1 và Trần Quang H2 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Xác nhận bị cáo Đoàn Văn H1 đã nộp 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm theo Biên lai thu tiền số 0000936 ngày 10/01/2024 và bị cáo Trần Quang H2 đã nộp 10.000.000 (Mười triệu) đồng tiền phạt bổ sung và 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm theo Biên lai thu tiền số 0000991 ngày 19/4/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

5. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- Bị cáo Hào, Hiếu (theo địa chỉ);
- UBND xã Thọ Lập, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: HSVA; Phòng HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Bích Hải